



huā píng

花瓶

noun · flower vase

Example Sentences

zhè ge táo cí huā píng hěn jīng měi
这个陶瓷花瓶很精美。

This ceramic vase is very exquisite

zhè jiàn jūn cí huā píng jià zhí lián chéng
这件钧瓷花瓶价值连城。

This Jun porcelain vase is extremely valuable.

tā bù xiǎo xīn bǎ huā píng zá suì le
他不小心把花瓶砸碎了。

He accidentally smashed the vase

Trace each character, then write the word on your own.

花	花	花	花	花	花	花	花	花	花
瓶	瓶	瓶	瓶	瓶	瓶	瓶	瓶	瓶	瓶
瓶	瓶								